TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đạt Thông
2. Ông Dương Văn Thanh

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Quãng Thanh Trung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa****:* Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Hồng Nh, sinh năm 1987, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Sơn C, sinh năm 1984, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Hồng N trình bày:

Vào năm 2013, chị và chồng tên Sơn C do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân

xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau năm 2013. Sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại ấp 6, xã T, huyện T. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Sơn Khải A, sinh ngày 11/4/2014 và Sơn Khải K, sinh ngày 25/11/2016. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để hòa giải nhưng không có kết quả. Vì vậy vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng tuy có nói chuyện nhưng chỉ vài câu, không có đề cập đến chuyện vợ chồng đoàn tụ, sau đó anh Chịt hạn chế liên lạc với chị. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với anh Sơn C.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Sơn Khải A, sinh ngày 11/4/2014 và Sơn Khải K, sinh ngày 25/11/2016 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con sau khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 28/6/2022, bị đơn anh Sơn C trình bày:

Trong quá trình hôn nhân vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không còn yêu thương nhau, không quan tâm, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, thảo luận nhằm hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không duy trì được quan hệ hôn nhân. Nay tự nhận thấy thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu được ly hôn với chị Lâm Hồng N.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Sơn Khải A, sinh ngày 11/4/2014 và Sơn Khải K, sinh ngày 25/11/2016 hiện đang sống chung với chị N, anh C đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi 02 con sau khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Lâm Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn chị N giữ nguyên yêu cầu giải quyết về hôn nhân, nuôi con, tài sản và nợ chung.

- Bị đơn anh Sơn C có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn anh C giữ nguyên yêu cầu giải quyết về hôn nhân, nuôi con, tài sản và nợ chung.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lâm Hồng N được ly hôn với anh Sơn C; về con chung tên Sơn Khải A, sinh ngày 11/4/2014 và Sơn Khải K, sinh ngày 25/11/2016 giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Lâm Hồng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lâm Hồng N và anh Sơn C thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung tên Sơn Khải A, sinh ngày 11/4/2014 và Sơn Khải K, sinh ngày 25/11/2016 hiện đang sống chung với chị N; chị N được tiếp tục nuôi 02 con chung sau khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị N khởi kiện anh C yêu cầu ly hôn và giải quyết về con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung. Anh C không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh C có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh C theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Hồng N:

[3.1] Về hôn nhân: Chị N và anh C xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau năm 2013. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị N và anh C đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị N và anh C là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị N khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để hòa giải nhưng không có kết quả. Vì vậy vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng tuy có nói chuyện nhưng chỉ vài câu, không có đề cập đến chuyện vợ chồng đoàn tụ, sau đó anh C hạn chế liên lạc với chị.

Anh C khai nhận: Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không còn yêu thương nhau, không quan tâm, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, thảo luận nhằm hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không duy trì được quan hệ hôn nhân.

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị N và anh C chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng xử giao tiếp; mặc dù khi mâu thuẫn xảy ra anh chị đã ngồi lại tìm phương án để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không có kết quả; chị N và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, có sống chung với nhau thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh C ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh C chung sống với nhau có 02 con tên Sơn Khải A, sinh ngày 11/4/2014 và Sơn Khải K, sinh ngày 25/11/2016. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của các con; chị N có nguyện vọng được nuôi 02 con chung; cháu Khải A có nguyện vọng sống chung với chị N; anh C cũng đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi 02 con chung. Tại Điều 81 của Luật

hôn nhân và gia đình quy định *"...Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con…".* Do đó Hội đồng xét xử giao quyền trực tiếp nuôi 02 con cho chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh C không có tranh chấp nên không xem xét.

[3.4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lâm Hồng N được ly hôn với anh Sơn C.

2. Về con chung: Chị Lâm Hồng N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Sơn Khải A, sinh ngày 11/4/2014 và Sơn Khải K, sinh ngày 25/11/2016 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng, chị N và anh C được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Lâm Hồng N phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng chị N đã nộp theo biên lai số 0009532 ngày 16 tháng 6 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thu. Chị N không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Yên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.